

Số: 263 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai

Thực hiện Quyết định số 423/QĐ-TTr ngày 25/10/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 05/11/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 12/11/2024, báo cáo giải trình ngày 20/11/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Địa chỉ trụ sở chính: số 138 đường Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259352 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/9/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 28/04/2022.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh: khai thác đất, đá các loại; sản xuất, kinh doanh bê tông trộn sẵn; sản xuất gạch tuynel, gạch xi măng cốt liệu.
- Số điện thoại: 02513899886.
- Tài khoản số: 119002661876 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai.
- Tổng số chi nhánh/đơn vị hạch toán phụ thuộc: 0.
- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp: 79 người.
- Doanh nghiệp đã có tổ chức công đoàn cơ sở.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động theo quy định, nhưng chưa thông báo với cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện nơi đặt trụ sở doanh nghiệp.
- Đã báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Doanh nghiệp tự tuyển dụng người lao động.
- Số người lao động tuyển dụng trong thời kỳ thanh tra: 08 người.

(Chữ ký)



- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.
- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.
- Việc ký kết hợp đồng đào tạo với người lao động, người học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp: không phát sinh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (HĐLĐ)

3.1. Giao kết HĐLĐ

- Số người không thuộc diện phải giao kết HĐLĐ: 0 người.
- Số người thuộc diện phải giao kết HĐLĐ: 79 người.
- Số người đã giao kết HĐLĐ: 79 người, trong đó:
 - + HĐLĐ không xác định thời hạn: 74 người.
 - + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 04 người.
 - + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng: 01 người.
 - + HĐLĐ xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.
 - + HĐLĐ làm việc không trọn thời gian: 0 người.
- Số người chưa được giao kết HĐLĐ: 0 người.

3.2. Việc thực hiện chế độ đối với người lao động mất việc, thôi việc

- Số lao động bị mất việc làm: 17 người với tổng số tiền trợ cấp mất việc là 945.250.000 đồng; doanh nghiệp đã trả trợ cấp mất việc làm cho 03 người lao động với tổng số tiền là 250.100.000 đồng; chậm trả trợ cấp mất việc làm (quá 30 ngày) cho 14 người lao động với tổng số tiền 695.150.000 đồng.

- Việc thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Số lao động thôi việc: 41 người, trong đó: 07 người đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc đã được doanh nghiệp trả số tiền là 252.585.000 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể (sau đây viết tắt là TULĐTT)

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại định kỳ theo quy định; năm 2024 đã tổ chức đối thoại theo vụ việc (khi thay đổi phương án kinh doanh và xây dựng phương án sử dụng lao động); không phát sinh đối thoại theo yêu cầu.

- Doanh nghiệp đã ký TULĐTT ngày 10/01/2022 (thời hạn 03 năm) với nhiều nội dung có lợi cho người lao động hơn quy định của pháp luật; đã gửi TULĐTT tới Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai ngày 10/01/2022.

- Doanh nghiệp đã ban hành quy chế dân chủ cơ sở kèm theo Quyết định số 115/QĐ-CN ngày 07/8/2023 của Tổng giám đốc.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 4.960.000 đồng/tháng.

- Thu nhập thấp nhất của người lao động: 6.500.000 đồng/tháng; thu nhập cao nhất của người lao động: 22.500.000 đồng/tháng.
- Hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian đối với bộ phận văn phòng, theo sản phẩm đối với các khối còn lại.
- Phương pháp trả lương: trả qua tài khoản ngân hàng. Người sử dụng lao động trả chi phí mở tài khoản và chuyển tiền lương.
- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động (Quyết định số 43/QĐ-DNC-HCNS ngày 18/3/2020 của Hội đồng quản trị).
- Việc trả tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm: kiểm tra bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương tháng 9/2023, doanh nghiệp thực hiện theo quy định.
- Đã trả lương ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định.
- Đã thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động thôi việc theo quy định.
- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: theo quy định.
- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh.
- Tiền ăn ca mức: 25.000 đồng/người/ngày.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp áp dụng thời giờ làm việc: 08 giờ/ngày, 40 giờ/tuần (nghỉ hằng tuần ngày thứ bảy và chủ nhật) đối với khối văn phòng; 08 giờ/ngày, 48 giờ/tuần (nghỉ hằng tuần ngày chủ nhật) đối với khối sản xuất làm giờ hành chính; 08 giờ/ngày, 48 giờ/tuần (nghỉ hằng tuần là 01 ngày trong tuần) đối với bộ phận đót lò gạch.
- Doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm không vượt quá số giờ quy định (kiểm tra bảng chấm công tháng 9/2023, người làm thêm nhiều nhất là 20 giờ/tháng).
- Việc thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng: thực hiện theo quy định.
- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc bình thường: 12 ngày/năm (chưa tính thâm niên); số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 14 ngày/năm (chưa tính thâm niên).

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Doanh nghiệp đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai ngày 25/4/2022. Nội quy lao động thiếu các quy định về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc; trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm việc khác so với HĐLĐ; người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động.
- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động theo các hình thức: 0 vụ.
- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 24 người.

- Thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Không sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

+ Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không có lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

+ Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt HĐLĐ đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Chưa giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật.

- Doanh nghiệp sử dụng 02 lao động là người cao tuổi.

- Doanh nghiệp đã thỏa thuận rút ngắn thời gian làm việc 01 giờ/ngày đối với người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại và tranh chấp lao động:

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh khiếu nại và tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 18 người; doanh nghiệp không sử dụng lao động làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm; thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên gồm 35 người theo Quyết định số 95/QĐ-XDCN ngày 06/6/2022 của Tổng Giám đốc, trong đó có 05 người là Giám đốc, Phó giám đốc xí nghiệp, nhà máy; 07 người là Trưởng, Phó phòng; 04 người là tổ trưởng chuyên môn; 02 người là Quản đốc, Phó quản đốc phân xưởng; chưa thống nhất với Ban chấp hành công đoàn cơ sở mức phụ cấp trách nhiệm của an toàn, vệ sinh viên.

- Đã bố trí ông Đoàn Duy Phụng, kỹ sư khai thác mỏ đủ điều kiện làm công tác an toàn, vệ sinh lao động chế độ bán chuyên trách theo Quyết định số 89/QĐ-DNC-HCNS ngày 06/6/2022 của Tổng giám đốc.

- Đã ký hợp đồng chăm sóc sức khỏe số 100B/2022/HĐ-BVĐN2 ngày 01/11/2022 với Công ty Cổ phần Bệnh viện Đồng Nai 2 để thực hiện việc chăm sóc sức khỏe, sơ cứu ban đầu và vận chuyển cấp cứu cho người lao động.

- Doanh nghiệp sử dụng 07 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (02 bình chứa khí nén, 01 tời nâng hàng, 02 pa lăng điện, 01 xe nâng hàng, 01 xe xúc lật) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động còn thời hạn sử dụng.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định.

- Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, nhưng chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không xảy ra tai nạn lao động.

- Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động tổng số 118 mẫu, không có mẫu không đạt tiêu chuẩn.

- Việc bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại vượt giới hạn cho phép: không phát sinh.

- Đã bố trí phòng sơ cứu ban đầu và có trang bị phương tiện sơ cứu tại nơi làm việc.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động (người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được chụp X-Quang phát hiện bệnh nghề nghiệp; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản).

11. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN)

- Số người thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 78 người.

- Số người đã tham gia: 78 người; số người chưa tham gia: 0 người.

- Số người không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 01 người đã hưởng chế độ hưu trí, doanh nghiệp đã chi trả thêm cùng lúc với kỳ trả lương một khoản tiền tương đương với mức người sử dụng lao động đóng BHXH, BHTN, BHYT cho người lao động.

- Số tiền chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN tại thời điểm thanh tra: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

- 1.1. Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động theo quy định.
- 1.2. Đã báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.
- 1.3. Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.

1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.5. Đã giao kết HĐLĐ đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết HĐLĐ.

1.6. Đã trả trợ cấp thôi việc cho 7/7 người đủ điều kiện hưởng với tổng số tiền là 252.585.000 đồng.

1.7. Đã trả trợ cấp mất việc làm cho 3/17 lao động với tổng số tiền là 250.100.000 đồng.

1.8. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc; năm 2024 đã tổ chức đối thoại theo vụ việc (khi thay đổi phương án kinh doanh sắp xếp lại lao động).

1.9. Đã ký TULĐTT ngày 10/01/2022 (thời hạn 03 năm) và gửi TULĐTT đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.10. Đã ban hành quy chế dân chủ cơ sở kèm theo Quyết định số 115/QĐ-CN ngày 07/8/2023 của Tổng giám đốc.

1.11. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.

1.12. Trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu; người sử dụng lao động trả các loại phí mở tài khoản và chuyển tiền lương cho người lao động.

1.13. Đã trả lương ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định.

1.14. Đã trả tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm theo quy định.

1.15. Đã thanh toán tiền lương những ngày người lao động chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động thôi việc theo quy định

1.16. Doanh nghiệp khấu trừ tiền lương của người lao động không trái luật.

1.17. Đã hỗ trợ bữa ăn ca cho người lao động mức 25.000 đồng/suất.

1.18. Đã thực hiện các quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ hằng năm, nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

1.19. Huy động người lao động làm thêm không vượt quá số giờ quy định.

1.20. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.21. Đã thực hiện một số quy định riêng đối với lao động nữ và lao động là người cao tuổi.

1.22. Đã phân loại 18 người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

1.23. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động; bố trí người đủ điều kiện làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

1.24. Đã ký hợp đồng với cơ sở y tế đủ điều kiện để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động đủ số người và chuyên khoa theo quy định.

1.25. Đã kiểm định kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, còn thời hạn sử dụng.

1.26. Hằng năm đã thực hiện quan trắc môi trường lao động.

1.27. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.

1.28. Đã trang bị đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động và lập danh mục theo dõi cấp phát.

1.29. Đã bố trí phòng sơ cứu có trang bị phương tiện sơ cứu tại nơi làm việc.

1.30. Đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.31. Đã trích đóng đủ tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho cơ quan BHXH.

2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Chưa thông báo tình hình thay đổi lao động định kỳ 06 tháng và cả năm 2023 đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện nơi đặt trụ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.2. Chậm trả trợ cấp mất việc làm (quá 30 ngày) cho 14 người lao động mất việc do thay đổi phương án sản xuất với tổng số tiền 695.150.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Lao động.

2.3. Nội quy lao động ban hành ngày 01/3/2022 thiếu các nội dung: phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc; trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm việc khác so với HĐLĐ; người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động theo quy định tại Điều 118 Bộ luật Lao động.

2.4. Chưa giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.5. Thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên gồm một số chức danh cán bộ quản lý, Trưởng ca và Tổ trưởng sản xuất; chưa thống nhất với Ban chấp hành công đoàn cơ sở mức phụ cấp trách nhiệm của an toàn, vệ sinh viên là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.6. Chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 5 và khoản 4 Điều 8 Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 311/QĐ-XPHC ngày 13/11/2024 xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp với tổng số tiền xử phạt là 7.000.000 đồng.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHÁC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Chấp hành nghiêm Quyết định số 311/QĐ-XPHC ngày 13/11/2024 của Chánh thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai.

2. Khắc phục sai phạm nêu tại khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này như sau:

- Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.1 khi có phát sinh.
- Khắc phục các sai phạm nêu tại điểm 2.2, 2.3, 2.4, 2.5 và 2.6 trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Người đại diện theo pháp luật chỉ đạo, tổ chức thực hiện các kiến nghị tại Kết luận thanh tra này và niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

2. Báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các kiến nghị nêu tại Mục VI Kết luận thanh tra kèm theo tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 31/12/2024.

3. Giao phòng Giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra thuộc Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, đôn đốc thực hiện các kiến nghị nêu tại Kết luận thanh tra này; tổng hợp, báo cáo Chánh thanh tra theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Sở LĐTBXH tỉnh Đồng Nai (để biết);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Anh Tuấn